

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 01 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HN, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quyết Ngọc Đình S, sinh năm 1983 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn B, xã Đắc R, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm 1983 – *Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

Địa chỉ: Thôn B, xã Đắc R, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 20/9/2023, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Quyết Ngọc Đình S trình bày:

Chị Quyết Ngọc Đình S và anh Trần Văn Q kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Rla, huyện Đắk Mil. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Chị S và anh Q có 01 con chung là Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/2018, hiện đang sống cùng anh Q. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về việc làm ăn kinh tế, anh Q là người quản lý tiền bạc, không cho chị S tiền để tiêu, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh Q chửi tục và có lời nói không tôn trọng, xúc phạm chị S và gia đình chị S. Năm 2022, chị S nộp đơn xin ly hôn với anh Q tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, sau khi được Tòa án hòa giải thì chị S đồng ý rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, anh Q cũng hứa sẽ thay đổi nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vẫn tính nết như cũ, chị S nhận thấy không còn tình cảm yêu thương đối với anh Q, vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị S khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Trần Văn Q, về con chung: Chị S đồng ý giao cháu Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/20218 cho anh Q nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/01/2024, chị Quyết Ngọc Đình S có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

2. Bị đơn anh Trần Văn Q: Anh Trần Văn Q đồng ý với nội dung trình bày của chị Quyết Ngọc Đình S về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì anh Q không đồng ý thêm tên của chị S vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản riêng của anh Q và khi chị S yêu cầu anh Q đưa tiền để về ngoại xây nhà sinh sống thì anh Q không đồng ý vì vợ chồng đang ở chung cùng mẹ là bà Trịnh Thị S, đã có sẵn nhà, nhưng chị S bắt anh Q phải về dưới nhà vợ để sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Năm 2022, khi vợ chồng ly thân được vài tháng thì chị S có nộp đơn lên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, nhưng lúc đó con còn nhỏ nên chị S rút đơn về, tuy nhiên vợ chồng vẫn sống ly thân cho đến nay chứ không quay về chung sống cùng nhau, không còn liên lạc với nhau. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Q không đồng ý ly hôn và không đồng ý ký giấy tờ để thuận tình ly hôn, chị S muốn ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị S, anh Q sẽ không tham gia phiên tòa. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì về con chung thì anh Q có nguyện vọng được nuôi cháu

Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/2018 vì thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay, anh Q là người trực tiếp nuôi con, chị S không chu cấp khoản tiền nào, không quan tâm, hỏi han cũng không về thăm con. Anh Q có tài sản riêng là diện tích rẫy khoảng 4h với sản lượng trung bình từ 9 đến 11 tấn cà phê tươi và có nhà ở kiên cố tại Thôn B, xã Đăk R, huyện Đăk Mil do đó anh Q có đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn chị Quyết Ngọc Đình S đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quyết Ngọc Đình S.

Về hôn nhân: Chị Quyết Ngọc Đình S được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/20218 cho anh Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quyết Ngọc Đình S không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Quyết Ngọc Đình S không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Quyết Ngọc Đình S phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Quyết Ngọc Đình S yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn Q, đây là quan hệ tranh chấp về

hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Trần Văn Q có địa chỉ cư trú tại Thôn B, xã Đắc R, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.3]. Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: HĐXX nhận định chị S và anh Q có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đắc R'La, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông. Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị S và anh Q đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị S cho rằng nguyên nhân là vì anh Q là người quản lý tiền bạc, không cho chị S tiền để tiêu, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh Q chửi tục và có lời nói không tôn trọng, xúc phạm chị S và gia đình chị S còn anh Q cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị S đòi anh Q phải thêm tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản riêng của anh Q và anh Q không đưa tiền để chị S xây nhà, không đồng ý chuyển về dưới nhà vợ để sống. Chị S và anh Q

đều thừa nhận năm 2022, chị S khởi kiện xin ly hôn với anh Q sau đó rút đơn khởi kiện nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi chứ không quay về chung sống cùng nhau, không còn liên lạc với nhau. Như vậy, hôn nhân của chị S, anh Q đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, mâu thuẫn giữa chị S và anh Q là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Quyết Ngọc Đình S về việc ly hôn với anh Trần Văn Q.

[2.2]. Về con chung: Chị S và anh Q có 01 con chung là Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/2018, hiện đang sống cùng anh Q.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy chị S đồng ý giao cháu Thi cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/2018 cũng đang được anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bản thân anh Q cũng có nguyện vọng được nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/2018 cho anh Trần Văn Q được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn chị S, anh Q có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.4] Về tài sản chung và công nợ: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Quyết Ngọc Đình S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 1 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quyết Ngọc Đình S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quyết Ngọc Đình S được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Bảo Th, sinh ngày 23/01/2018 cho anh Trần Văn Q trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn chị Quyết Ngọc Đình S và anh Trần Văn Q có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Quyết Ngọc Đình S phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số 0001639 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- UBND xã Đắk R'La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ

